

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469 /UBND

Thống Nhất, ngày 19 tháng 9 năm 2024

V/v tổ chức kiểm tra, thống kê, quản lý và hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ đề xuất hỗ trợ thiệt hại khôi phục sản xuất sau Bão số 3.

Kính gửi:

- Ban Biên tập Đài TTCS và CTTĐTTP xã.
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn.
- Trưởng thôn trên địa bàn xã.
- Các hộ dân trên địa bàn xã.

Căn cứ Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông, lâm nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Hướng dẫn số 2160/SNNPTNT-STC ngày 06/7/2017 của Liên sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính về hướng dẫn một số nội dung hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Để khẩn trương kiểm tra, thống kê, quản lý và hoàn thiện hồ sơ đề xuất hỗ trợ thiệt hại để khôi phục sản xuất nông nghiệp sau bão số 3 theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 7365/UBND-KT ngày 16/9/2024, UBND xã Thống Nhất yêu cầu cán bộ, công chức, Trưởng các thôn trên địa bàn xã:

1. Đối với nội dung lập hồ sơ hỗ trợ thiệt hại khôi phục sản xuất nông nghiệp:

1.1. Về nguyên tắc hỗ trợ: Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại); Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức, đúng đối tượng; Các hộ sản xuất bị thiệt hại được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng điều kiện sản xuất không trái với quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương; Mức hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Giao Trưởng các thôn niêm yết công khai Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Hướng dẫn số 2160/SNNPTNT-STC ngày 06/7/2017 của Liên sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tại Nhà văn hóa thôn để các hộ gia đình, cá nhân và nhân dân trên địa bàn được biết để hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ thiệt hại theo quy định; Thông báo và phát mẫu đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại (Mẫu số 01, Mẫu số 02) để các hộ gia đình, cá

nhân kê khai thiệt hại làm cơ sở kiểm tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ thiệt hại theo quy định (*có mẫu đơn gửi kèm theo*).

Các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do bão số 3 ***gây ra về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp*** chủ động tự kê khai thiệt hại của mình theo mẫu đơn đảm bảo trung thực, đúng diện tích, vị trí thửa đất, đúng thực tế loại cây trồng bị thiệt hại, đồng thời gửi kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại (Mẫu số 01, Mẫu số 02);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ hợp pháp khác liên quan đến việc sử dụng đất (nếu có);

Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân tự kê khai thiệt hại và nộp hồ sơ cho Trưởng các thôn tổng hợp đề nộp về UBND xã trước ngày 25/9/2024 qua đồng chí Nguyễn Thanh Tuấn, Bộ phận địa chính xã (quá thời gian trên nếu các hộ gia đình, cá nhân không kê khai thiệt hại, không hoàn thiện hồ sơ để nộp thì UBND xã xác định hộ gia đình, cá nhân đó không bị thiệt hại hoặc không có nhu cầu đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do cơn bão số 3 gây ra).

1.3. Đối với việc khai thác tận thu gỗ rừng trồng bị gãy đổ sau bão: đề nghị các chủ rừng (hộ gia đình, cá nhân) trước khi khai thác phải chủ động liên hệ cán bộ Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã (đồng chí Dương Văn Chiêm, số điện thoại 0988.128.522) để được hướng dẫn kê khai, đồng thời phải chụp ảnh hiện trạng rừng làm cơ sở kiểm tra, xác minh, duyệt hồ sơ hỗ trợ thiệt hại theo quy định; khi khai thác phải đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, hoàn trả lại các rãnh đường khi mở lối lên rừng.

Đối với các loại cây rừng trồng bằng vốn Nhà nước trước khi khai thác phải báo cáo, xin ý kiến của UBND xã.

2. Đối với nội dung triển khai rà soát theo Công văn số 7288/UBND-VP ngày 13/9/2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc tiếp tục triển khai rà soát, thống kê, báo cáo bổ sung các thiệt hại do bão số 3 (YAGI) gây ra trên địa bàn thành phố Hạ Long, UBND xã giao các Trưởng thôn triển khai phiếu điều tra đến các hộ dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị đóng trên địa bàn (theo mẫu phiếu gửi kèm) gửi về UBND xã tổng hợp trước ngày 25/9/2024.

3. Công chức Địa chính-xây dựng xã, cán bộ Kiểm lâm địa bàn phối hợp với Trưởng các thôn tổ chức hướng dẫn hộ dân kê khai thiệt hại theo mẫu đơn; tham mưu thành lập Tổ giúp việc giúp UBND xã kiểm tra, xác minh thiệt hại về sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân đảm bảo chính xác làm cơ sở kiểm tra, xác

minh, xét duyệt, niêm yết công khai hồ sơ thiệt hại của các hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ theo quy định.

Công an xã, công chức Địa chính-xây dựng, cán bộ Kiểm lâm địa bàn tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm, quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, khai thác lâm sản trái phép, xâm canh, lấn chiếm đất rừng của các tổ chức...; tham mưu xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền lập hồ sơ báo cáo UBND thành phố xử lý theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã phối hợp với Trưởng các thôn tuyên truyền nội dung Quyết định số 1568/2017/QĐ- UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông, lâm nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để các hộ gia đình, cá nhân và nhân dân biết để chủ động kê khai thiệt hại; phối hợp với công chức Địa chính-xây dựng hướng dẫn hộ dân kê khai thiệt hại theo mẫu đơn làm cơ sở kiểm tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ thiệt hại theo quy định.

5. Các thôn lưu ý khi thông báo và phát các mẫu phiếu điều tra, mẫu đơn, tờ khai cho các hộ dân cần lập danh sách từng cá nhân, tổ chức, cho ký nhận, đảm bảo tất cả mọi người đều được biết thông tin, chủ trương, chính sách.

Hướng dẫn thông kê như sau: Ví dụ 1 hộ có 5 ha mà có cây gãy đổ trên 3ha thì chỉ đánh giá mức độ thiệt hại trên 3ha. Còn đánh giá mức độ thiệt hại là tính số cây bị thiệt hại (gãy đổ) trên tổng số cây có trên diện tích đánh giá thiệt hại.

Ví dụ cụ thể: trên 3ha đó có 100 cây, gãy đổ 70 cây thì thiệt hại 70%. Còn nếu gãy đổ cả trên 5ha thì đánh giá thiệt hại cả trên 5ha.

UBND xã yêu cầu cán bộ, công chức xã và các Trưởng thôn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (T/hiện);
- Hạt Kiểm lâm TP;
- Phòng kinh tế TP;
- TT ĐU, HĐND xã;
- Chủ tịch UBND xã (b/c);
- UBMTTQ và các đoàn thể xã;
- Ban Biên tập ĐTTCS và CTTĐTTP xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Mạnh

Số: 1568/2017/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 02/2017/NĐ-CP NGÀY 09/01/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1310/TTr-SNN&PTNT-KTMT ngày 26/4/2017 và Báo cáo thẩm định số 53/BC-STP ngày 17/3/2017 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2216/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 03/10/2008 về chính sách hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ninh; Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phòng cháy, chữa cháy tỉnh Quảng Ninh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Huy Hậu

QUY ĐỊNH

MỨC HỖ TRỢ ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 02/2017/NĐ-CP NGÀY 09/01/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 8/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Các loại hình thiên tai được hỗ trợ, quy định tại Khoản 1, Điều 3, Luật Phòng chống thiên tai bao gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng

cháy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác;

b) Các loại dịch bệnh phải công bố dịch đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản được hỗ trợ, quy định tại Phụ lục I, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 và Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, thủy sản; pháp luật về Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Trường hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quy định điều chỉnh, bổ sung dịch bệnh nguy hiểm đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản thì đối tượng áp dụng được thực hiện theo nội dung điều chỉnh, bổ sung.

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể: Hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là hộ sản xuất) bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Áp dụng theo Điều 3, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể:

a) Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (không phải đền bù thiệt hại).

b) Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

c) Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

d) Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

2. Cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại thuộc địa bàn địa phương nào thì được xem xét hỗ trợ tại địa phương đó.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Các hộ sản xuất bị thiệt hại được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng tất cả các điều kiện theo Điều 4, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

2. Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản thực hiện theo mẫu số 6, phụ lục I, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 (*kèm theo Phụ lục II Quyết định này*) hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (*nếu có*). Các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi; trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào kê khai. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

3. Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

4. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

a) Đối với thiên tai: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận;

b) Đối với dịch bệnh: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

Điều 4. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ cụ thể đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (*quy định chi tiết tại Phụ lục III, IV, V, VI kèm theo*).

Điều 5. Nguồn lực và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách

1. Nguồn lực thực hiện hỗ trợ

a) Từ nguồn dự phòng ngân sách chính quyền địa phương;

b) Quỹ phòng chống thiên tai;

c) Hỗ trợ từ ngân sách cấp trên;

d) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Cơ chế hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện)

a) Khi xảy ra thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, chính quyền địa phương các cấp phải chủ động sử dụng các nguồn lực của địa phương để kịp thời thực hiện hỗ trợ cho đối tượng bị thiệt hại theo quy định;

b) Ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau

- Phần kinh phí hỗ trợ sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách của địa phương lũy kế từ đầu năm đến đợt thiên tai, dịch bệnh này vượt quá 50% dự phòng của ngân sách cấp mình (bao gồm nguồn dự phòng của các năm trước còn dư chuyển sang, nguồn bố trí trong dự toán năm nay và nguồn bổ sung trong năm - nếu có), ngân sách cấp trên trực tiếp hỗ trợ phần vượt quá 50% nguồn dự phòng của địa phương;

- Tại thời điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh, nguồn dự phòng của ngân sách địa phương không đủ để thực hiện hỗ trợ, ngân sách cấp trên trực tiếp cấp hỗ trợ phần còn thiếu cho địa phương để thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính hướng dẫn công tác thống kê, xác định thiệt hại và trình tự hỗ trợ; thời gian hoàn thành chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

b) Kiểm tra việc thực hiện chính sách, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để Tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.

2. Sở Tài chính.

a) Tham mưu bố trí dự phòng ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động hỗ trợ thiệt hại khôi phục sản xuất nông nghiệp do thiên tai, dịch bệnh theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định; Hướng dẫn thủ tục hồ sơ thanh quyết toán và báo cáo kinh phí thực hiện hỗ trợ, hoàn thành hướng dẫn chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

c) Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ thiệt hại hàng năm và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo cơ chế (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xác định mức độ thiệt hại, kiểm tra thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này;

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến hộ sản xuất về chính sách hỗ trợ tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, (có sự tham gia của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện đối với hỗ trợ do thiên tai) tổng hợp thiệt hại, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt danh sách và quyết định hỗ trợ cụ thể cho các hộ sản xuất về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản nhưng không được vượt quá mức hỗ trợ tại Quy định này đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, đúng đối tượng.

d) Chậm nhất sau 30 ngày khi kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh, 6 tháng và năm, UBND cấp huyện báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện chính sách theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phổ biến chính sách, hướng dẫn hộ sản xuất kê khai ban đầu; kiểm tra, xác nhận vào kê khai theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

b) Chủ tịch UBND cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra thiệt hại gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã (có sự tham gia của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã đối với hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; Cán bộ chuyên môn do UBND cấp huyện cử tham gia đối với thiệt hại do dịch bệnh), đại diện các tổ chức xã hội có liên quan, đại diện thôn, bản, tổ dân phố nơi xảy ra thiên tai, dịch bệnh để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo;

c) Công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước (danh sách, nội dung, kinh phí hỗ trợ) trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã và nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư.

5. Các nội dung khác không nêu tại Quy định này thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan (nếu có).

6. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC LOẠI DỊCH BỆNH ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN
(Kèm theo Quyết định số:1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. Đối với cây trồng

Các dịch bệnh công bố dịch theo quy định pháp luật về Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

2. Đối với động vật trên cạn

- Bệnh cúm gia cầm (thể độc lực cao và chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người);
- Bệnh lở mồm long móng;
- Bệnh tai xanh ở lợn (Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn);
- Bệnh nhiệt thán;
- Bệnh dịch tả lợn;
- Bệnh xoắn khuẩn;
- Bệnh dại động vật;
- Bệnh niu-cát-xơn.

3. Đối với nuôi trồng thủy sản

- Bệnh đốm trắng (*White Spot Disease*) đối với tôm sú, tôm chân trắng, tôm hùm, cua biển;
- Bệnh hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm nuôi (*Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease - AHPND*) đối với tôm sú, tôm chân trắng;
- Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (*Infectious Hypodermal and Hematopoietic Necrosis Disease*) ở tôm sú, tôm chân trắng;
- Bệnh đầu vàng (*Yellow Head Disease*) ở tôm sú, tôm chân trắng;
- Bệnh Hoại tử cơ (*Infectious Myonecrosis Disease*) ở tôm chân trắng;
- Hội chứng Taura (*Taura Syndrome*) ở tôm chân trắng;
- Bệnh sữa trên tôm hùm (*Milky Haemolymph Disease of Spiny Lobsters - MHDSL*) (tôm hùm bông, tôm hùm đá, tôm hùm sỏi, tôm hùm đỏ, tôm hùm tre, tôm hùm sen);
- Bệnh xuất huyết mùa xuân (*Spring Viraemia of Carp*) ở cá chép, cá koi, cá vàng, cá trắm cỏ;
- Bệnh do KHV (*Koi Herpesvirus Disease*) ở cá chép, cá koi;
- Bệnh hoại tử thần kinh (*Viral Nervous Necrosis/Viral Encephalopathy and Retinopathy*) ở cá song/mú, cá vược/chêm, cá giò/bớp;
- Bệnh gan, thận, mũ (*Enteric Septicaemia of Catfish*) ở cá da trơn đối với cá tra, cá basa, cá bông lau;
- Bệnh do Perkinsus đối với tu hài, hào cửa sông, nghêu, ngao.

PHỤ LỤC II

MẪU BẢN KÊ KHAI SẢN XUẤT BAN ĐẦU

(Kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại, Fax, Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng)	Số lượng giống nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....

.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày ... tháng năm
Xác nhận của UBND xã/phường
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm
CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm
Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MỨC HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH
(Kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Thực hiện theo khoản 1, Điều 5, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể:

TT	Loại cây trồng	Mức hỗ trợ (1.000 đồng/ha)	
		Thiệt hại từ 30% - 70%	Thiệt hại trên 70%
1	Lúa thuần	1.000	2.000
2	Mạ lúa thuần	10.000	20.000
3	Lúa lai	1.500	3.000
4	Mạ lúa lai	15.000	30.000
5	Ngô và rau màu các loại	1.000	2.000
6	Cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	2.000	4.000

PHỤ LỤC IV

MỨC HỖ TRỢ GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Thực hiện theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể:

TT	Loại cây trồng	Mức hỗ trợ (1.000 đồng/ha)	
		Thiệt hại từ 30% - 70%	Thiệt hại trên 70%
1	Cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống	2.000	4.000
2	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	20.000	40.000

PHỤ LỤC V

MỨC HỖ TRỢ GIỐNG THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH
(Kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Hình thức nuôi	ĐVT	Mức hỗ trợ (1.000 đồng)			Ghi chú
			Thiệt hại từ 30 - 50%	Thiệt hại trên 50% - 70%	Thiệt hại trên 70%	
1	Nuôi tôm sú thâm canh	ha	4.500	6.000	8.000	
2	Nuôi tôm sú bán thâm canh	ha	4.000	5.000	6.500	
3	Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh	ha	13.000	20.000	30.000	
4	Nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh	ha	10.000	15.000	20.500	
5	Nuôi tôm quảng canh cải tiến	ha	2.600	4.000	6.000	
6	Nuôi lồng bè trên biển	100m ³	10.000	15.000	20.000	
7	Nuôi nhuyễn thể trên bãi	ha				
8	Nuôi nhuyễn thể trong khay/lồng	ha				
9	Nuôi nhuyễn thể dây treo trên giàn bè	ha				
10	Nuôi lồng bè nước ngọt	100m ³	4.500	7.000	10.000	
11	Nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	ha	13.000	20.000	30.000	
12	Nuôi các loài cá truyền thống, cá bản địa	ha	4.500	7.000	10.000	
13	Nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh	ha	22.700	35.000	50.000	
14	Nuôi cá tra thâm canh	ha	13.000	20.000	30.000	
15	Nuôi các loài thủy, hải sản khác	ha	2.600	4.000	6.000	

PHỤ LỤC VI

MỨC HỖ TRỢ GIỐNG GIA SÚC, GIA CẦM ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Kèm theo Quyết định số: 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. Thiệt hại do thiên tai:

TT	Loại vật nuôi	Mức hỗ trợ (1.000 đồng/con)
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng):	
	+ Đến 28 ngày tuổi	20
	+ Trên 28 ngày tuổi	35
2	Lợn:	
	+ Đến 28 ngày tuổi	400
	+ Trên 28 ngày tuổi	1.000
	+ Lợn nái và lợn đực đang khai thác	2.000
3	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	3.000
4	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	10.000
5	Trâu, bò thịt, ngựa:	
	+ Đến 6 tháng tuổi	2.000
	+ Trên 6 tháng tuổi	6.000
6	Hươu, nai, cừu, dê:	
	+ Đến 6 tháng tuổi	1.000
	+ Trên 6 tháng tuổi	2.500

2. Thiệt hại do dịch bệnh: Thực hiện theo điểm b, khoản 4, Điều 5, Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể:

TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (1.000 đồng)
1	Lợn	kg hơi	38
2	Trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai	kg hơi	45
3	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)	con	35

Số: 2160 /SNNPTNT-STC

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2017



Người ký: Sở
Nông nghiệp
và Phát triển
nông thôn
Email:
snnvptnt@qu
angninh.gov.v
n
Cơ quan: Tỉnh
Quảng Ninh

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND Tỉnh

Thực hiện Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND Tỉnh Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định 1568).

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các địa phương và đơn vị có liên quan; Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Giải thích một số từ ngữ:

1.1 Hộ nông dân quy định tại Khoản 2 Quyết định 1568: Được hiểu là hộ gia đình, cá nhân cư trú ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có nguồn sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; không bao gồm hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi, trồng trọt không phải là nghề chính mà chỉ để cải thiện thêm đời sống hoặc làm vật cảnh.

1.2. Trang trại: Trang trại phải đạt các Tiêu chí quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/04/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3. Gia trại chăn nuôi: Theo Quyết định số 882/QĐ-TCTK ngày 28/8/2013 của Tổng cục Thống kê: Gia trại là hộ chăn nuôi lợn hoặc gia cầm trong kỳ điều tra (01/4 và 01/10) chưa đạt tiêu chí trang trại song có nuôi thường xuyên từ 30 con lợn hoặc từ 1.000 con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng), riêng chim cút từ 10.000 con trở lên; số lần xuất chuồng trong năm từ 02 lần đối với lợn hoặc từ 03 lần trở lên đối với gia cầm. Nếu do một số yếu tố bất thường (dịch bệnh...) phải để trống chuồng trên 6 tháng vẫn coi là nuôi thường xuyên. Đối với Gia trại mới nuôi chỉ tính đến thời điểm điều tra có số con đạt số lượng quy định. Trường hợp đến thời điểm điều tra gia trại mới xuất chuồng, đang trong giai đoạn vệ sinh chuồng trại thì vẫn được coi là gia trại chăn nuôi.

1.4. Tổ hợp tác: Theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ: Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của UBND cấp xã của từ 03 cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức, để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

1.5. Dịch bệnh cây trồng: Bao gồm các sinh vật gây ra thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp đối với thực vật bao gồm vi sinh vật gây bệnh, côn trùng gây hại, cỏ dại và các sinh vật có hại khác.

1.6. Đối với cây giống được gieo ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại:
Chỉ thực hiện hỗ trợ đối với cây giống gieo ươm được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Vườn ươm được hỗ trợ phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 3588/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/9/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tiêu chuẩn vườn ươm giống cây lâm nghiệp.

2. Cơ quan xác nhận thời gian xảy ra thiên tai, công bố dịch bệnh:

a. Cơ quan xác nhận thời gian xảy ra thiên tai:

- Đối với hồ sơ đề xuất hỗ trợ của UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện: Do Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã xác nhận (bằng văn bản riêng hoặc ký xác nhận vào Biên bản kiểm tra, xét duyệt hồ trợ của Hội đồng cấp xã);

- Đối với hồ sơ đề xuất hỗ trợ của UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp PTNT: Do Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện xác nhận (bằng văn bản riêng hoặc ký xác nhận vào Biên bản kiểm tra, xét duyệt hồ trợ của Hội đồng cấp huyện);

b. Cơ quan công bố dịch và hết dịch bệnh:

(*) Thẩm quyền công bố dịch và hết dịch bệnh động vật nuôi:

- Động vật trên cạn: Công bố dịch thực hiện theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 4, Điều 26, Luật Thú y; Công bố hết dịch bệnh thực hiện theo Khoản 2, Điều 31, Luật Thú y;

- Động vật thủy sản: Công bố dịch thực hiện tại Khoản 3, Điều 34, Luật Thú y; Công bố hết dịch bệnh thực hiện theo Khoản 2, Điều 36, Luật Thú y.

(*) Thẩm quyền công bố dịch và hết dịch bệnh nguy hại cây trồng:

- Công bố dịch hại cây trồng theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;

- Thẩm quyền Công bố dịch hại cây trồng thực hiện theo Khoản 2, Điều 17, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;

- Công bố hết dịch hại cây trồng thực hiện theo Điều 19, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.

3. Trình tự thực hiện hỗ trợ thiệt hại:

- Ngay sau khi xảy ra thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hộ sản xuất bị thiệt hại làm Giấy trình báo gửi UBND cấp xã nơi có cây trồng, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- UBND cấp xã tiếp nhận thông tin trình báo từ hộ sản xuất bị thiệt hại, thành lập Hội đồng cấp xã và Tổ giúp việc Hội đồng để tổ chức xét duyệt hồ trợ.

+ Thành phần Hội đồng xét duyệt cấp xã gồm: (1) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã, (2) Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm cấp xã phụ trách lĩnh vực (Nông-lâm - ngư nghiệp, địa chính), (3) Đại diện các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, (4) Trưởng các thôn, khu phố có hộ sản xuất bị thiệt hại, (5) Đại diện Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai cấp xã (đối với thiệt hại do thiên tai).

+ Thành phần Tổ giúp việc gồm: (1) Cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm cấp xã phụ trách lĩnh vực (Nông - lâm - ngư nghiệp, địa chính); (2) Đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố; (3) Trưởng (hoặc Phó) thôn, bản, khu phố; (4) Hộ sản xuất liền kề (nếu có); (5) Cán bộ chuyên môn cấp huyện (trường hợp thiệt hại diện rộng, ở vùng sản xuất tập trung, thiệt hại do dịch bệnh); (6) Đại diện Ban chỉ huy phòng chống thiên tai cấp xã (đối với thiệt hại do thiên tai); (7) Đại diện hộ sản xuất bị thiệt hại.

+ Tổ giúp việc Hội đồng xét duyệt cấp xã tiến hành kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại và lập Biên bản kiểm tra (theo các mẫu số 6, 7, 8, 9 Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này) đối với từng hộ sản xuất bị thiệt hại chậm nhất trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được trình báo của hộ sản xuất bị thiệt hại; Đồng thời thông báo cho hộ sản xuất bị thiệt hại đủ điều kiện xem xét hỗ trợ làm Đơn đề nghị hỗ trợ theo các mẫu số 1, 2, 3, 4a, 4b Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này, có xác nhận của trưởng thôn/khu phố gửi UBND cấp xã nơi có cây trồng, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại để xem xét, xét duyệt hỗ trợ.

+ Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá thiệt hại và Đơn đề nghị của hộ sản xuất bị thiệt hại. Hội đồng cấp xã tổ chức và hoàn thành việc xét duyệt hỗ trợ chậm nhất trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày lập Biên bản kiểm tra, đánh giá thiệt hại đối với hộ sản xuất bị thiệt hại.

- Căn cứ kết quả xét duyệt hỗ trợ của Hội đồng cấp xã, UBND cấp xã thực hiện công khai kết quả xét duyệt trên trụ sở HĐND, UBND cấp xã; Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã; Công khai thông qua trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Trong thời hạn 3 ngày nếu có sai sót, khiếu kiện thì xem xét, giải quyết, điều chỉnh lại cho phù hợp, đồng thời có Văn bản đề xuất hỗ trợ kèm theo Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt cấp xã và các báo cáo theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục II, số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục số III kèm theo Hướng dẫn này gửi UBND cấp huyện (qua Cơ quan Nông nghiệp và PTNT cấp huyện) để xem xét phê duyệt hỗ trợ;

- Trong phạm vi 3 ngày kể từ khi nhận được đề nghị của UBND cấp xã, cơ quan Nông nghiệp cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài chính, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Chỉ huy phòng chống và tìm kiếm nạn (đối với thiệt hại do thiên tai) cùng cấp tổ chức thẩm định, trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách, số tiền hỗ trợ đối với từng hộ sản xuất bị thiệt hại và nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ (kinh phí do xã/phường/thị trấn tự đảm bảo và kinh phí ngân sách cấp huyện cấp bổ sung - nếu có).

- Căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện thông báo niêm yết, công khai tối thiểu 30 ngày theo Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã; Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã; Công khai thông qua trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân để cho các hộ sản xuất và người dân địa phương biết để tiếp nhận thông tin khiếu nại, tố cáo (thời gian tiếp nhận thông tin khi chưa cấp kinh phí hỗ trợ), thực hiện chi trả sau thời gian niêm yết, công khai.

- UBND cấp xã thực hiện rút kinh phí tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch và chi tiền hỗ trợ cho các hộ sản xuất bị thiệt hại.

- Trường hợp cấp huyện không đủ nguồn kinh phí (dự phòng của ngân sách cấp huyện và các nguồn khác - nếu có) để hỗ trợ cho cấp xã, UBND cấp huyện có Văn bản kèm theo các báo cáo theo các mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục III Hướng dẫn này gửi Sở Tài chính;

- Trong phạm vi 5 ngày kể từ khi nhận được đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình UBND Tỉnh cấp bổ sung kinh phí cho địa phương để thực hiện hỗ trợ.

4. Quy định về hồ sơ hỗ trợ:

a) Hồ sơ hộ sản xuất bị thiệt hại gửi UBND cấp xã:

Gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo các mẫu số 1, 2, 3, 4a, 4b Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này);

- Biên bản kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại của chính quyền cấp xã (theo các mẫu số 6, 7, 8, 9 Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này);

- Bản kê khai sản xuất ban đầu theo mẫu số 5 Phụ lục II (Hướng dẫn này) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ đối với hộ sản xuất chăn nuôi tập trung (gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản;

- Bản sao giấy xác nhận của UBND cấp xã đã thực hiện công tác xử lý kỹ thuật phòng, trừ dịch bệnh cho cây trồng theo qui định của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (đối với hộ sản xuất trồng trọt bị thiệt hại do dịch bệnh);

- Bản sao Giấy chứng nhận tiêm phòng vắc xin với các bệnh phải công bố dịch trong thời gian nuôi đối với gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng (đối với hộ sản xuất chăn nuôi bị thiệt hại do dịch bệnh);

- Bản sao Giấy kết quả xét nghiệm dịch bệnh gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản (01 giấy cho 01 loại dịch bệnh đối với hộ hoặc nhóm hộ sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại);

- Bản sao Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp (đối với cây giống được gieo ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại);

- Các hóa đơn, chứng mua bán chứng minh cây giống, con giống nuôi, thả (nếu có).

b) Hồ sơ UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện để phê duyệt hỗ trợ:

Gồm:

- Văn bản đề nghị của UBND cấp xã (nội dung văn bản đề nghị cần nêu rõ nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ, kinh phí tự đảm bảo, kinh phí đề nghị UBND cấp huyện hỗ trợ ...);

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt cấp xã;

- Danh sách các hộ sản xuất bị thiệt hại đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục II Hướng dẫn này;

- Tổng hợp báo cáo đề xuất hỗ trợ theo các mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục số III kèm theo Hướng dẫn này;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

c) Hồ sơ UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính đề nghị hỗ trợ kinh phí:

- Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện (nội dung văn bản đề nghị cần nêu rõ nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ, kinh phí địa phương tự đảm bảo, kinh phí đề nghị tỉnh cấp hỗ trợ ...);

- Tổng hợp báo cáo đề xuất hỗ trợ theo các mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phụ lục số III kèm theo Hướng dẫn này;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Hướng dẫn xác định mức độ thiệt hại:

5.1. Cách tính xác định mức độ thiệt hại các đối tượng cây trồng:

a) Diện tích mạ bị thiệt hại

- Diện tích mạ bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là diện tích mạ bị chết, hư hỏng làm mất trắng hoặc không thể hồi phục để cấy hoặc buộc phải tiêu hủy do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Diện tích thiệt hại trên 70% (mất trắng): là diện tích có trên 70% mạ bị chết, không thể hồi phục, sử dụng để cấy hoặc bị tiêu hủy.

- Diện tích thiệt hại từ 30 - 70%: là diện tích từ 30 - 70% mạ bị chết, không thể hồi phục, sử dụng để cấy.

- Cách tính diện tích bị thiệt hại: Đo trực tiếp và phân loại diện tích bị thiệt hại theo từng mức: trên 70%; từ 30 - 70%; dưới 30%.

- Diện tích mạ được thống kê theo chủng loại là mạ lúa thuần và mạ lúa lai.

b) Diện tích lúa bị thiệt hại

- Diện tích lúa bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là diện tích lúa bị chết, hư hỏng dẫn đến giảm năng suất hoặc mất trắng không thu hoạch được hoặc buộc phải tiêu hủy do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Diện tích thiệt hại trên 70% (mất trắng): là diện tích có trên 70% lúa bị chết, không có khả năng phục hồi, không thu hoạch được hoặc bị tiêu hủy.

- Diện tích thiệt hại từ 30 - 70% là diện tích giảm năng suất từ 30 - 70%.

- Cách tính diện tích bị thiệt hại: Đo trực tiếp và phân loại diện tích bị thiệt hại theo từng mức: trên 70%; từ 30 - 70%; dưới 30%.

- Diện tích lúa được thống kê theo chủng loại là lúa thuần và lúa lai.

c) Diện tích ngô và rau màu bị thiệt hại

- Diện tích ngô và rau màu bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là cây bị chết, hư hỏng dẫn đến giảm năng suất, mất trắng, không thu hoạch được hoặc buộc phải tiêu hủy do các loại thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Diện tích thiệt hại trên 70% (mất trắng): là diện tích có trên 70% ngô và rau màu bị chết, không có khả năng phục hồi, không thu hoạch được hoặc bị tiêu hủy.

- Diện tích thiệt hại từ 30 - 70% là diện tích giảm năng suất từ 30 - 70%

- Cách tính diện tích bị thiệt hại: Đo trực tiếp và phân loại diện tích bị thiệt hại theo từng mức: trên 70%; từ 30 - 70%; dưới 30%.

d) Diện tích cây công nghiệp bị thiệt hại

- Cây công nghiệp lâu năm là những loài cây công nghiệp có thời gian kiến thiết cơ bản và thời gian kinh doanh trong nhiều năm.

- Diện tích cây công nghiệp lâu năm bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là diện tích cây bị chết, hư hỏng dẫn đến không cho thu hoạch, không gieo trồng lại được hoặc giảm năng suất hoặc buộc phải tiêu hủy do các loại thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Diện tích thiệt hại trên 70% (mất trắng): là diện tích trên 70% cây bị chết, không có khả năng phục hồi, không thu hoạch được hoặc bị tiêu hủy.

- Diện tích thiệt hại từ 30 - 70% là diện tích giảm năng suất từ 30 - 70%

- Cách tính diện tích bị thiệt hại: Đo trực tiếp và phân loại diện tích bị thiệt hại theo từng mức: trên 70%; từ 30 - 70%; dưới 30%.

đ) Diện tích cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại

- Diện tích cây ăn quả bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là diện tích cây bị giảm năng suất, bị chết, không thu hoạch được, không gieo trồng lại được hoặc buộc phải tiêu hủy do các loại thiên tai, dịch bệnh gây ra.

- Diện tích thiệt hại trên 70% (mất trắng): là diện tích trên 70% cây ăn quả bị chết, không có khả năng phục hồi không thu hoạch được hoặc bị tiêu hủy.

- Diện tích thiệt hại từ 30 - 70% là diện tích giảm năng suất từ 30 - 70%

- Cách tính diện tích bị thiệt hại: Đo trực tiếp và phân loại diện tích bị thiệt hại theo từng mức: trên 70%; từ 30 - 70%; dưới 30%.

5.2. Cách xác định thiệt hại trong lĩnh vực chăn nuôi:

a) Căn cứ để xác định thiệt hại do thiên tai:

- Bản kê khai sản xuất ban đầu có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ (đối với gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã);

- Đếm số lượng xác gia súc, gia cầm (nếu còn);

b) Căn cứ để xác định thiệt hại do dịch bệnh:

- Bản kê khai sản xuất ban đầu có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ (đối với gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã);

- Giấy chứng nhận tiêm phòng vắc xin các bệnh phải công bố dịch đối với gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng;

- Cân trọng lượng thực tế tính bằng kilogram đối với trâu, bò, lợn, dê, cừu, hươu, nai;

- Đếm số lượng thực tế tính bằng con đối với gà, vịt, ngan, ngỗng.

5.3. Cách xác định thiệt hại trong lĩnh vực lâm nghiệp:

a) Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại:

- Tiến hành đo đếm xác định diện tích rừng bị thiệt hại;

- Đánh giá mức độ thiệt hại ngoài thực địa: Tiến hành xác lập ô tiêu chuẩn theo phương pháp ngẫu nhiên trên tuyến điều tra. Tại mỗi diện tích rừng bị thiệt hại, lập các tuyến điều tra song song và cách đều nhau (khoảng cách giữa các tuyến 50 – 100 – 200 m). Trên tuyến điều tra lập các ô tiêu chuẩn hình tròn với diện tích 100 m².

- Diện tích đo đếm (tổng diện tích ô tiêu chuẩn) = 1±2% x Diện tích rừng bị thiệt hại (Tuỳ theo mức độ phức tạp của diện tích rừng thiệt hại lựa chọn tỷ lệ rút mẫu phù hợp).

$$\text{- Số ô tiêu chuẩn: } N(\hat{o}) = \frac{St}{S}$$

Trong đó: N : là số ô tiêu chuẩn

St: tổng diện tích ô tiêu chuẩn

S: diện tích ô tiêu chuẩn (S = 100m²)

- Phương pháp lập ô tiêu chuẩn: Các ô tiêu chuẩn bố trí đều trên tuyến điều tra. Sử dụng thước dây, hoặc dây có chiều dài 5.64 m sau đó lựa chọn vị trí làm tâm và quay tròn để lập ô tiêu chuẩn. Trong ô tiêu chuẩn tiến hành đo đếm tổng số cây trong ô, số cây bị thiệt hại (chết, gãy, đổ, ngập, xói lở, hạn hạn do thiên tai; cây bị sâu bệnh không thể phục hồi).

Xử lý nội nghiệp xác định tỷ lệ thiệt hại của diện tích rừng bị thiệt hại (thiệt hại hoàn toàn trên 70%; thiệt hại nặng, rất nặng 30 – 70% và dưới 30%).

Hỗ trợ thiệt hại diện tích rừng có mật độ trước khi bị thiệt hại đảm bảo tối thiểu bằng 85% mật độ trồng, mật độ sau tía thưa chăm sóc theo giai đoạn tại Quyết định số 797/QĐ-NN&PTNT ngày 17/11/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh về việc Ban hành các quy trình kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng cho 17 vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung của tỉnh Quảng Ninh.

b) Đối với cây giống được gieo ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại:

- Tiến hành đo đếm xác định diện tích luống gieo bị thiệt hại;

- Diện tích đo đếm (tổng diện tích ô dạng bản) = 10% x Diện tích luống gieo bị thiệt hại.

Xác định số lượng ô dạng bản diện tích 1 m² (1 x 1 m) và bố trí đều ô dạng bản trên các luống bị thiệt hại. Tiến hành đo đếm tổng số cây gieo ươm, số cây bị thiệt hại trong ô dạng bản. Xử lý nội nghiệp xác định diện tích cây giống bị thiệt hại, bao gồm: thiệt hại hoàn toàn trên 70%; thiệt hại nặng, rất nặng 30 – 70% và dưới 30%.

5.4. Cách xác định thiệt hại trong lĩnh vực thủy sản:

a) Xác định hình thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh):

Dựa trên định mức quy định chung tại Quyết định số 798/QĐ-NN&PTNT ngày 17/11/2014 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng

Ninh; Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn (Trong trường hợp có định mức kinh tế - Kỹ thuật mới ban hành có hiệu lực thì áp dụng theo định mức mới), cụ thể quy định áp dụng cho một số đối tượng thủy sản nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh như sau:

TT	Đối tượng và hình thức nuôi	Mật độ thả giống	Ghi chú
1	Nuôi tôm sú thâm canh	≥ 25 con/m ²	
2	Nuôi tôm sú bán thâm canh	09-24 con/m ²	
3	Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh	≥ 100 con/m ²	
4	Nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh	60-99 con/m ²	
5	Nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	≥ 02 con/m ²	
6	Nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh	≥ 10 con/m ²	
7	Nuôi cá tra thâm canh	≥ 20 con/m ²	

b) Xác định mật độ thả nuôi:

Bằng (=) Số lượng giống đã thả nuôi chia (/) diện tích thả nuôi.

c) Xác định tỷ lệ thiệt hại :

* **Trường hợp 1:** Áp dụng cho trường hợp đối với diện tích nuôi trồng thủy sản tại thời điểm thiệt hại có thời gian thả nuôi từ 1/3 tổng thời gian vụ nuôi trở lên đối với mỗi lần nuôi (riêng đối tượng nhuyễn thể hai mảnh vỏ được áp dụng theo phương pháp này, không căn cứ vào thời gian thả nuôi). Căn cứ vào tình hình thực tế, việc xác định mức độ(%) thiệt hại, cho từng đối tượng nuôi cụ thể trên từng địa bàn được lựa chọn áp dụng tính toán vận dụng theo một trong 2 công thức sau :

- Công thức 1: xác định dựa trên mật độ thả nuôi:

$$\text{Tỷ lệ (\%) thiệt hại} = \left[1 - \frac{\text{Mật độ trung bình thủy sản nuôi còn lại (con/m}^2 \text{ hoặc con/m}^3 \text{ hoặc con/lồng)}}{\text{Mật độ trung bình giống thả nuôi ban đầu (con/m}^2 \text{ hoặc con/m}^3 \text{ hoặc con/lồng)}} \right] \times 100\%$$

Trong đó:

+ Mật độ trung bình thủy sản nuôi còn lại: Xác định dựa trên cơ sở đánh mẫu ngẫu nhiên, có tính đại diện cho toàn bộ diện tích ao/đầm nuôi bị thiệt hại, để tính toán mật độ trung bình còn lại (con/m²) hoặc kiểm tra trực tiếp đối với nuôi lồng/giàn/khay/bãi nuôi (con/m² hoặc con/m³).

+ Mật độ trung bình giống thả nuôi ban đầu: Xác định số lượng giống thả và diện tích nuôi thông qua chứng từ mua bán giống và bản đăng ký kê khai sản xuất ban đầu (đã được chính quyền địa phương xác nhận), để tính toán mật độ thả giống ban đầu cho diện tích nuôi bị thiệt hại (con/m² hoặc con/m³).

- Công thức 2 : Xác định dựa trên năng suất, sản lượng nuôi; vận dụng Tiết c Điểm 2 Mục V Văn bản hợp nhất số 35/VBHN-BTC ngày 14/7/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25/10/1999 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cụ thể:

$$\text{Tỷ lệ (\%) thiệt hại} = \left[1 - \frac{\text{Sản lượng tận thu trên một đơn vị diện tích bị thiệt hại của vụ nuôi (tính theo năng suất TB của 01 ha bị thiệt hại)}}{\text{Sản lượng (năng suất) TB của vụ nuôi}} \right] \times 100\%$$

Trong đó:

+ Sản lượng tận thu trên một đơn vị diện tích bị thiệt hại của vụ nuôi:

Xác định dựa trên cơ sở sản lượng tận thu trước khi có thiệt hại (nếu có) cộng (+) với sản lượng tận thu đến thời điểm bị thiệt hại còn lại (được xác định bằng cách đánh mẫu kiểm tra ngẫu nhiên có tính đại diện cho toàn bộ diện tích, thể tích bị thiệt hại của các ao/đầm/lông bè nuôi). Trên cơ sở đó, xác định trọng lượng trung bình của mỗi cá thể nuôi, tính toán sản lượng còn được tận thu trên tổng diện tích nuôi bị thiệt hại, đồng thời quy ra sản lượng tận thu trên 01 ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

+ Sản lượng (năng suất) trung bình của vụ nuôi: Xác định dựa trên năng suất dự kiến tham khảo tại định mức KT-KT chuyên ngành có hiệu lực mới nhất (Hiện tại áp dụng quy định tại Phụ lục của Quyết định 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) hoặc dựa trên năng suất bình quân 3 năm liên tiếp của đối tượng nuôi trên địa bàn do UBND cấp huyện công bố có căn cứ pháp lý. Từ đó, đưa ra năng suất dự kiến cụ thể cho từng đối tượng nuôi theo từng hình thức nuôi tương ứng để vận dụng tính toán.

(*) Trường hợp 2: Áp dụng cho trường hợp tại thời điểm thiệt hại có thời gian thả nuôi dưới 1/3 tổng thời gian vụ nuôi (trừ đối tượng nhuyễn thể hai mảnh vỏ) đối với mỗi lần nuôi (tổng thời gian thả nuôi xác định trên cơ sở định mức KT-KT chuyên ngành có hiệu lực mới nhất (Quy trình kỹ thuật) hoặc Thống nhất với Sở Nông nghiệp và PTNT đối với các đối tượng nuôi chưa có trong quy trình công bố), có tỷ lệ giống nuôi thất thoát, chết >50% (theo mật độ thả) thì được áp dụng mức hỗ trợ thiệt hại từ 30-50%.

Lý do: Thời gian nuôi <1/3 vụ nuôi, đối tượng nuôi chưa đạt kích thước thương phẩm, người sản xuất thiệt hại chủ yếu ở chi phí con giống, cải tạo ao; Do vậy mức độ thiệt hại thấp.

(*) Trường hợp 3: Không thể xác định mức độ thiệt hại theo 2 cách hướng dẫn nêu trên, UBND các huyện/thị xã/thành phố căn cứ từng điều kiện cụ thể, có văn bản trao đổi thống nhất phương pháp xác định thiệt hại với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để thực hiện.

6. Cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ:

- UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại theo trình tự tại Mục 4 của Hướng dẫn này từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 5 của Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND Tỉnh.

- Hình thức cấp kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (tính cho cấp huyện, cấp huyện cho cấp xã) để thực hiện hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại được thực hiện theo hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ sản xuất bị thiệt hại từ nguồn NSNN cấp được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách cấp xã theo Chương 857, khoản 369, Tiêu mục 7103;

- Đối với kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ sản xuất bị thiệt hại từ nguồn quyền góp ủng hộ (nếu có) được hạch toán và quyết toán với nguồn quyền góp, ủng hộ theo quy định tại Nghị định 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 72/2008/TT-BTC ngày 31/7/2008 của Bộ Tài chính.

7. Chế độ báo cáo:

- Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh, 6 tháng và 1 năm, UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn theo các Biểu mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này để gửi Sở Nông nghiệp PTNT, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh, Bộ Nông nghiệp PTNT, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (đối với thiệt hại do thiên tai);

- UBND cấp huyện quy định thời hạn UBND cấp xã gửi báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ cho UBND cấp huyện để đảm bảo thời hạn UBND cấp huyện gửi báo cáo cho Sở Nông nghiệp PTNT và Sở Tài chính.

8. Hướng dẫn khác:

- Những nội dung không đề cập tại Hướng dẫn này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ và Quyết định số 1568/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c)
- Các tổ chức CT-XH tỉnh (p/h)
- Sở Kế hoạch và ĐT (p/h)
- UBND các huyện, TX, TP
- Các đơn vị thuộc Sở NN
- Công TTĐT: Sở NN, TC
- Lưu SNN&PTNT, STC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Giang

GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Minh Thanh